

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Chiền Thắng;
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1167/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2019; thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 1989; thường trú: 23B/20 khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1993; thường trú: 23B/20 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1963; thường trú: 23B/20 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Tấn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng D sau thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 272/2011, quyền số 03/2011, cấp ngày 17/10/2011.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số nhà 23B/20 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Từ khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, chị D thường xuyên đi chơi, anh Đ nhắc nhở thì vợ chồng xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp. Anh Đ đã cố gắng cùng chị D hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Từ năm 2016 đến nay anh chị đã ly thân. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị D nên yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung Lê Tấn P, sinh ngày 23/10/2012. Sau khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Tấn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng D*: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng D cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/02/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 27/3/2019 và ngày 18/4/2019 nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đạt, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2019 ông Lê Minh Trung trình bày*: Sau khi kết hôn, anh Đ và chị D chung sống tại 23A/20 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Chị D thường xuyên đi chơi, khi Đ khuyên nhủ thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Ông T khuyên răn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không thay đổi. Năm 2016, chị Diễm bỏ đi không sống chung nhà thỉnh thoảng 01 – 02 tháng về thăm con, đưa con đi chơi.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị D do Tòa án tiến hành ngày 18/01/2019, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Anh Đ và chị D trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, anh Đ không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Tấn Đ làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 27/3/2019 và ngày 18/4/2019 nhưng chị Diễm vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 272/2011, quyền số 03/2011, cấp ngày 07/10/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống với bị đơn vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng chồng và thường xuyên đi chơi. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì vậy nguyên đơn và bị đơn đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Điều này được ông Lê Minh Trung xác nhận. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập chị Diễm đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Diễm không có mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được.

[4] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Lê Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng D có một con chung Lê Tấn P, sinh ngày 23/10/2012. Hiện con chung đang ở cùng với anh Đ. Anh Lê Tấn Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Lê Tấn P. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị Hồng D vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Lê Tấn P được anh Đ nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[6] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tấn Đ với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng D

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng D.

- Về con chung: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng D giao con chung Lê Tấn P, sinh ngày 23/10/2012 cho anh Lê Tấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Tấn Đ không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, anh Lê Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Tấn Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Tấn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020450 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND phường D, thị xã D
Tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền